

Số: *026* /QĐ-TrTHCS

Đông Triều, ngày *06* tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020 của trường THCS Nguyễn Đức Cảnh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS NGUYỄN ĐỨC CẢNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 282/QĐ-PGD&ĐT ngày 24/12/2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều "Về việc giao dự toán ngân sách năm 2020";

Căn cứ tình hình thực tế nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách năm 2020 của trường THCS Nguyễn Đức Cảnh (đính kèm dự toán thu - chi bổ sung ngân sách nhà nước năm 2020 – Biểu số 02)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, Tổ trưởng tổ Văn phòng và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận :

- BGH nhà trường;
- Như Điều 3;
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Quảng

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THCS NGUYỄN ĐỨC CẢNH

Chương: 622-070-073

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 02b/QĐ-TrTHCS ngày 06/01/2020 của Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Đức Cảnh)

Số TT	Nội dung	Dvt: đồng
1	2	3
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	348.000.000
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
	Học phí	348.000.000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	348.000.000
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính	6.208.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.208.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.208.000.000

Đồng Triều, ngày 06 tháng 01 năm 2019
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Quảng

THUYẾT MINH CHI TIẾT DỰ TOÁN THEO NHÓM MỤC CHI NSNN NĂM 2020

DVT: Đồng

Nhóm chi	Nội dung chi	Tổng số	Chia ra			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
	Tổng số	6.208.000.000	1.548.500.000	1.544.500.000	1.550.500.000	1.564.500.000
A	Kinh phí tự chủ	6.208.000.000	1.548.500.000	1.544.500.000	1.550.500.000	1.564.500.000
1	Chi thanh toán cho cá nhân	5.374.000.000	1.338.500.000	1.338.500.000	1.358.500.000	1.338.500.000
	Mục 6000: Tiền lương	2.452.319.600	613.079.900	613.079.900	613.079.900	613.079.900
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp					
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.483.760.000	370.940.000	370.940.000	370.940.000	370.940.000
	Mục 6200: Tiền thưởng	20.000.000			20.000.000	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	20.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	1.397.920.400	349.480.100	349.480.100	349.480.100	349.480.100
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	809.000.000	200.000.000	201.000.000	187.000.000	221.000.000
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công	50.000.000	15.000.000	15.000.000	10.000.000	10.000.000
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	97.000.000	30.000.000	29.000.000	20.000.000	18.000.000
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền	7.800.000	1.800.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
	Mục 6650: Hội nghị	10.000.000		5.000.000	5.000.000	
	Mục 6700: Công tác phí	100.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	71.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000	11.000.000
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	210.000.000	40.000.000	40.000.000	40.000.000	90.000.000
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	140.000.000	35.000.000	35.000.000	35.000.000	35.000.000
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	123.200.000	33.200.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình					
3	Các khoản chi khác	25.000.000	10.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000

Mục 7750: Chi khác	25.000.000	10.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
--------------------	------------	------------	-----------	-----------	-----------

Đồng Triều, ngày 06 tháng 01 năm 2020

KÊ TOÁN

HIỆU TRƯỞNG

[Signature]



[Signature]

Đặng Thị Xim

Nguyễn Hồng Quảng